



Ảnh Hoà Tấn

Những bài học kinh nghiệm từ 20 năm đổi mới kinh tế ở Việt Nam

PGS. ĐÀO CÔNG TIẾN

Bao trùm lên trên tất cả là trong chừng mực đã có sự đổi mới nhận thức lý luận từ những giáo điều của “thiên kinh địa nghĩa” để tự bằng lòng và vội cho rằng mình đã nắm được chân lý; tệ hơn nữa lại giành cho mình cái thế độc quyền chân lý, áp đặt tư duy và phán xét tùy tiện, đã chuyển dần sang sự coi trọng vận động của thực tiễn để tìm chân lý.

1. Bài học “lấy dân làm gốc”

“Dân vi bản” – cách nói của người xưa đã được Cố Tổng bí thư Trường Chinh nêu lại thành một nội dung cơ bản của đường lối đổi mới lúc đầu – “nước lấy dân làm gốc”, sau đó có lúc nói lại - “dân là gốc”.

Thừa nhận và phát huy cái “gốc” đó là cội nguồn căn bản của sự hình thành đổi mới và thành quả mang lại từ đổi mới kinh tế.

Khoán trong nông nghiệp và việc tái lập kinh tế nông hộ – đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn thay cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất kiểu cũ với “công

hữu hóa”, “tập thể hóa” và “kế hoạch hóa tập trung bao cấp”, đã được nông dân lựa chọn từ những năm cuối thập niên 70 và nửa đầu thập niên 80. Cách làm khoán đó đã được chính thức hóa – như là mũi đột phá trong đường lối đổi mới nông nghiệp nông thôn từ chỉ thị 100 của Ban bí thư, Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, Nghị quyết của Đại hội Đảng VI và Luật đất đai 1993. Qua đó, người nông dân với gia đình của họ làm chủ đất đai, sức lao động và nguồn lực vật chất kỹ thuật để phát triển sản xuất vì cuộc sống của mình và của xã hội. Thành quả mang lại từ mũi đột

phá này đã góp phần hết sức to lớn vào việc đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế và liên tục phát triển suốt 20 năm qua.

Năm 1992, Quốc hội thông qua Hiến pháp “cho phép kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân phát triển”. Rồi Luật doanh nghiệp ra đời. Với hành lang pháp lý hợp lòng dân đó, đến nay khoảng trên 150.000 doanh nghiệp dân doanh được hình thành và đi vào hoạt động, nhất là trong công nghiệp và xây dựng, thương mại và dịch vụ, góp phần đáng kể vào tăng quy mô và nâng nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Năm

2004, công nghiệp dân doanh tăng 22,8%, là mức tăng trưởng cao nhất so với các khu vực khác (quốc doanh tăng 11,4%, có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,7%), chiếm tỷ trọng 27% trong giá trị sản xuất công nghiệp. Trong thương mại dịch vụ kinh tế dân doanh tăng 26%, cũng là mức cao nhất so với các khu vực khác và chiếm tỷ trọng 82% tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ.

Tự chủ cho người sản xuất và người tiêu dùng, cho người bán và người mua như là một tất yếu đã đem lại quyền, lợi ích và trách nhiệm của dân, của giới doanh nhân khu vực kinh tế dân doanh trong công cuộc chuyển đổi kinh tế từ “kế hoạch hóa tập trung bao cấp” sang thị trường và cơ chế thị trường để tạo động lực phát triển.

Bài học “lấy dân làm gốc” trong đổi mới thực chất cũng là bài học về “dân chủ hóa” và bài học “biết tôn trọng thực tiễn cuộc sống” để tìm chân lý. Suy cho cùng thì điểm quy chiếu của hiện thực xã hội vẫn là con người và cuộc sống trọn vẹn của họ. Cuộc sống trọn vẹn đó có điểm hội tụ là gia đình, doanh nghiệp – như là tế bào sống của xã hội. Điều này thể hiện rất rõ trong đời sống xã hội nông thôn với nông dân và cuộc sống trọn vẹn của họ là điểm quy chiếu đó. Hiện thực xã hội, nếu biết tôn trọng thì thành công, còn ngược lại thì thất bại.

2. Bài học về quan hệ sản xuất

Bài học về sự trở lại với chỉ dẫn của quy luật “quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất” vì mục tiêu tối thượng là giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất để tăng trưởng và phát triển kinh tế – xã hội, nhằm đạt tới mục tiêu “dân giàu nước mạnh”.

Trước đổi mới, chúng ta đã coi việc hình thành quan hệ sản xuất với “công hữu hóa”, “nhà nước hóa”, “kế hoạch hóa tập trung, bao cấp” như là mục tiêu tối thượng để có CNXH. Thực chất quan hệ sản xuất đó là một mô hình lý thuyết – ý tưởng chủ quan duy ý chí từ đầu đó, thiếu cơ sở hiện thực từ lực lượng sản xuất của Việt Nam vốn nhỏ bé về quy mô, thấp kém về trình độ và giản đơn về tính chất. Quan hệ sản xuất đó không phù hợp với trình độ, tâm lý tập quán của người

dân. Nó không những trói buộc mà còn phá hoại các nguồn lực phát triển, đưa nền kinh tế đi vào những khủng hoảng và khủng hoảng ngày càng trầm trọng.

Hiện thực đời sống kinh tế – xã hội đó đặt ra hàng loạt vấn đề phải giải quyết, đổi mới ra đời từ bối cảnh đó. Và đổi mới đã trực diện với những vấn đề đặt ra để tìm cách giải quyết.

Ngay từ những năm cuối thập niên 70 và nửa đầu thập niên 80, tại nhiều Hội nghị Trung ương khóa IV và V, Đảng đã đặt lại mục tiêu phát triển là “làm cho sản xuất bung ra”, “coi sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, phát triển công nghiệp nặng có chọn lọc”.

Để làm được như vậy phải điều chỉnh lại thể chế kinh tế và cơ chế chính sách theo hướng: (1) hợp thức hóa cơ chế khoán và việc tái lập kinh tế nông hộ – đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn; (2) đa dạng hóa sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp trong công nghiệp và thương mại dịch vụ; (3) không coi quan hệ kế hoạch là duy nhất, mà kế hoạch phải gắn với thị trường (cả thị trường có kế hoạch và không có kế hoạch); (4) tự chủ cho người sản xuất và tiêu dùng, người bán và người mua bằng quan hệ hàng hóa, tiền tệ; và (5) vận dụng quy luật giá trị trong hình thành giá – tiến đến cơ chế một giá.

Mặc dù chưa đầy đủ và việc thực thi còn gặp phải không ít cản ngại, nhưng những điều chỉnh về thể chế và cơ chế chính sách đó có tính đột phá hợp lòng dân, được đại chúng hưởng ứng, tạo ra một hiện thực xã hội mới – bối cảnh mới cho sự ra đời một đường lối đổi mới toàn diện từ sau Đại hội VI đến nay với những nét cơ bản là:

(1) kiên trì mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế vì “dân giàu nước mạnh”;

(2) phát triển sản xuất hàng hóa hướng mạnh về xuất khẩu thay dần cho tự túc tự cấp;

(3) đa dạng hóa sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp với kinh tế quốc doanh, ngoài quốc doanh và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; không dừng lại ở việc củng cố và phát triển kinh tế nông hộ, mà còn khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy

tiến trình phát triển từ kinh tế hộ với dạng hình tiểu nông sang kinh tế nông hộ theo dạng hình trang trại cùng với việc mở rộng liên kết hợp tác; đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo hướng gắn với thị trường và cơ chế thị trường; tự chủ và tự chịu trách nhiệm hơn bằng chủ trương cổ phần hóa và chuyển đổi sang các hình thức sử dụng khác; tạo điều kiện và khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế hỗn hợp bằng ban hành Luật doanh nghiệp; thu hút nguồn lực đầu tư nước ngoài bằng ban hành Luật đầu tư nước ngoài; và

(4) chủ trương tạo sự ổn định môi trường kinh tế – tài chính vĩ mô, thực hiện cải cách nền hành chính nhà nước, cùng với việc tự chủ cho doanh nghiệp – cho người sản xuất và tiêu dùng.

Nếu không có những kiên trì đổi mới và tiếp tục đổi mới đó, thì kinh tế không thể tăng trưởng cao (chỉ sau Trung Quốc và đứng đầu ASEAN); cơ cấu kinh tế không thể có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; không thể có những ngành hàng thâm nhập được vào thị trường thế giới.

Tuy nhiên, nếu không còn những rào cản từ tâm lý tư tưởng theo cách tư duy cũ, từ sự thiếu hoàn thiện của khung lý thuyết đổi mới, từ năng lực tổ chức quản lý điều hành, thì những điểm sáng lý luận hay chủ trương tốt đó sẽ được thực thi nhiều hơn, hiệu quả hơn. Và theo đó, tăng trưởng và phát triển sẽ tốt hơn, nhất là chất lượng tăng trưởng sẽ không quá thấp kém như hiện nay, đầu tư dàn trải, quản lý đầu tư chưa tốt gây lãng phí thất thoát, bệnh tập trung quyền lực, tệ tham nhũng và sự xuống cấp văn hóa – xã hội và môi trường nghiêm trọng như hiện nay, nguy cơ về phát triển không bền vững và mất thế chủ động trong hội nhập vẫn còn lớn như hiện nay.

3. Bài học từ đổi mới tư duy kinh tế

Thành công và chưa thành công của đổi mới ở Việt Nam liên quan rất mật thiết đến việc đổi mới tư duy lý luận về phát triển kinh tế.

Bao trùm lên trên tất cả là trong chừng mực đã có sự đổi mới nhận thức lý luận từ những giáo điều của “thiên kinh địa nghĩa” để tự bằng lòng và vội cho rằng mình đã nắm được chân lý; tệ

hơn nữa lại giành cho mình cái thế độc quyền chân lý, áp đặt tư duy và phán xét tùy tiện, đã chuyển dần sang sự coi trọng vận động của thực tiễn để tìm chân lý. Điều này thiết nghĩ cũng có điểm tương đồng với “lấy chân lý từ thực tiễn cuộc sống thay hai cái phàm là” ở Trung Quốc.

Không có nhận thức luận này thì làm sao có sự chấp nhận “khoán trong nông nghiệp”, chấp nhận “kinh tế thị trường”, chấp nhận đa dạng hóa sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp, chấp nhận tự chủ cho người sản xuất và tiêu dùng – người bán và người mua ... để thoát ra khỏi những rào cản của thể chế kinh tế, cơ chế chính sách cũ với sự tuyệt đối hóa của “công hữu hóa”, “nhà nước hóa”, “kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp”.

Tuy nhiên, sự đổi mới nhận thức lý luận đó chỉ mới diễn ra trong chừng mực nhất định vì những giáo điều theo “thiên kinh địa nghĩa” và sự “độc quyền”, “áp đặt” và “phán xét” theo cái gọi là chân lý từ những “thiên kinh địa nghĩa” đó không phải dễ dàng gạt bỏ trong ngày một ngày hai và trên thực tế vẫn còn là rào cản của lý luận kềm hãm sự vận động của thực tiễn. Đây là cội nguồn của sự thiếu nhất quán trong cách nghĩ cách làm của đổi mới và tiếp tục đổi mới ở tầm cao hơn – toàn diện và triệt để hơn. Sự thiếu nhất quán đó có thể nhận biết qua một số đơn cử như: (1) thiếu sự nhất quán về nhận thức lại “bóc lột” nên cấm đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân; (2) coi “dân là gốc”, thừa nhận kinh tế dân doanh với sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân tồn tại lâu dài như là một tất yếu khách quan nhưng không coi kinh tế dân doanh là nền tảng mà coi kinh tế quốc doanh cùng với kinh tế tập thể là nền tảng; (3) chủ đạo kinh tế bằng kinh tế nhà nước nên vẫn cố giữ kinh tế nhà nước ở quy mô lớn, vẫn được chơi ở sân chơi có ưu ái của Nhà nước, nhưng kém hiệu quả lãng phí và thất thoát nguồn lực.

Nếu có sự nhất quán tốt hơn trên cơ sở nhận thức lý luận đúng, thiết nghĩ sẽ có môi trường phát triển tốt hơn, nhất là môi trường tâm lý tư tưởng, môi trường pháp lý, cơ chế chính sách tốt hơn. Và theo đó, doanh nghiệp khu vực kinh tế nhà nước sẽ

được đổi mới tốt hơn; kinh tế dân doanh sẽ phát triển lớn mạnh hơn và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ít có những bước lừng khừng như đã có. Nền kinh tế sẽ tăng trưởng và phát triển mạnh hơn cả về lượng và chất, nhất là chất lượng thì chất lượng tăng trưởng sẽ không thấp như hiện nay. Các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường sẽ được cải thiện nhiều hơn, chất lượng cuộc sống người dân sẽ cao hơn.

Những thành tựu cải cách và mở cửa của Trung Quốc tuy vẫn còn phải đối đầu với những thách thức không nhỏ, nhưng có nhiều mặt thành công vượt trội hơn ta, do những đổi mới tư duy lý luận của họ khá mạnh mẽ. Đọc bộ sách gồm 3 tập xuất bản năm 2004 tại Hà Nội về “chính sách phát triển kinh tế – kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc”⁽¹⁾ chúng ta có thể tìm thấy những tư duy mới đó: (1) “phát triển là lý luận bất di bất dịch” “cứ nghèo như trước đây thì làm sao xây dựng được CNXH”. Và để phát triển “không cần phân biệt mèo trắng mèo đen, miễn bắt được chuột”; (2) để phát triển phải vượt qua “trở ngại lớn nhất cho sự phát triển ấy chính là hệ tư tưởng” và những vấn đề được xem là hòn đá tảng của hệ tư tưởng đó được nhận thức lại – như “thuật ngữ bóc lột”, “thuật ngữ giai cấp và đấu tranh giai cấp”, vấn đề dân chủ và cải cách thể chế v.v...

• Thuật ngữ “bóc lột” không còn được sử dụng trong khoảng hơn 5 năm gần đây vì nó đã không còn đúng với thực tế hiện nay của Trung Quốc. Các nhà đầu tư không còn bị coi là những “kẻ bóc lột” vì vốn là một nhân tố sản xuất cơ bản và sự đóng góp của các nhà đầu tư cần phải được xem xét đến trong quá trình phân phối (tập II, trang 234).

• Thuật ngữ “giai cấp” cũng trở nên lỗi thời vì hiện nay không có đấu tranh giai cấp trong xã hội Trung Quốc. Thay vào đó là sự tồn tại mâu thuẫn giữa các nhóm lợi ích khác nhau. Do đó, chỉ có thể xác định và phân tích các xung đột và mâu thuẫn trong số các nhóm lợi ích khác nhau ở Trung Quốc, cho dù đôi chỗ có nhắc đến thuật ngữ “tầng lớp trung lưu” vì “tầng lớp trung lưu” không phải là phạm trù để phân biệt giai cấp này

với giai cấp khác. Đúng hơn thuật ngữ này đề cập nhóm dân cư có ít nhiều của cải, học vấn và địa vị xã hội (tập II, trang 235):

• “Phát triển đầy đủ các tổ chức phi chính phủ là một trong những tín hiệu quan trọng chứng tỏ rằng hệ thống kinh tế thị trường đã được hình thành và cải thiện” (tập II, trang 28). Cũng có ba trụ cột (tổ chức phi chính phủ cùng với các tổ chức chính phủ và doanh nghiệp tạo thành ba trụ cột của cấu trúc xã hội hiện đại) thật vững chắc sẽ là đảm bảo để đến năm 2020 Trung Quốc sẽ đạt mục tiêu xây dựng một xã hội khá giả toàn diện (tập II, trang 253).

• “Thông nhất tư tưởng của toàn dân vào một người là điều bí hiểm. Cách mạng văn hóa là một minh chứng lịch sử cay đắng của Trung Quốc. Một người sai, cả nước bị đe dọa. Do đó, cần đa nguyên về tư tưởng.” (tập II, trang 263). Để đa nguyên về tư tưởng mà vẫn “thống nhất đường lối của dân không gì bằng pháp luật”. Đại hội 16 của Đảng cộng sản Trung Quốc đã ra Nghị quyết phải thực hiện và chế độ hóa quy phạm hóa. Vì thế phải thông qua việc sửa đổi hiến pháp cũng như việc định ra luật pháp ổn định và phát triển. Điều này cho phép giảm bớt uy quyền của cá nhân, đề cao uy quyền của chế độ và luật pháp, chuyển dần từ chế độ nhân trị sang chế độ pháp trị” (tập II, trang 256).

4. Thay lời kết

Những bài học kinh nghiệm từ thành công và chưa thành công từ 20 năm đổi mới kinh tế là hành trang thật vô giá cho công cuộc tiếp tục đổi mới. Song cũng đừng quên rằng “cái sọt rác của lịch sử loài người chứa đầy những điểm sáng, lý luận hay, kế hoạch tốt, chỉ có mỗi khuyết điểm là không thực hiện được hoặc không được thực hiện” (tập III, trang 94). Vậy, hãy bằng bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam để những bài học từ 20 năm đổi mới không bị bỏ vào “sọt rác” ■

CHÚ THÍCH

1. Chính sách phát triển kinh tế – kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội tháng 9.2004